

NHỮNG NGUYÊN TẮC CỦA NỀN DÂN CHỦ

BỘ NGOẠI GIAO HOA KỲ

Nguyễn Huy Vũ

biên dịch và giới thiệu

NHỮNG NGUYÊN TẮC CỦA NỀN DÂN CHỦ

BỘ NGOẠI GIAO HOA KỲ

Nguyễn Huy Vũ

biên dịch và giới thiệu

©2025 Phong trào Duy Tân

www.phongtraoduytan.com

Mọi hỗ trợ và liên lạc xin theo địa chỉ email bên dưới:

phongtraoduytanvietnam@gmail.com

Theo dõi trên mạng xã hội:

Facebook: www.facebook.com/phongtraoduytan

X: www.x.com/@phongtraoduytan

Youtube: www.youtube.com/@phongtraoduytan

Bản gốc tiếng Anh của tài liệu được đăng tải bởi Bộ Ngoại
giao Hoa Kỳ, và được lưu lại tại trang web:
www.principlesofdemocracy.org.

Bản dịch được tự do chia sẻ.

Lời giới thiệu	1
1. Tổng quan: Dân chủ là gì	7
2. Nguyên tắc đa số quyết định và quyền của thiểu số	10
3. Quan hệ dân sự - quân sự	13
4. Các đảng phái chính trị	16
5. Trách nhiệm của công dân	19
6. Báo chí tự do	22
7. Chủ nghĩa liên bang	25
8. Nguyên tắc pháp quyền	28
9. Quyền con người	31
10. Quyền lực hành pháp	33
11. Quyền lập pháp	36
12. Tư pháp độc lập	39
13. Chủ nghĩa hiến pháp	42
14. Tự do ngôn luận	45
15. Trách nhiệm giải trình của chính phủ	48

16. Bầu cử tự do và công bằng	51
17. Tự do tôn giáo	54
18. Quyền của phụ nữ và trẻ em gái	57
19. Cai trị thông qua liên minh và thỏa hiệp	61
20. Vai trò của các tổ chức phi chính phủ (NGO)	63
21. Giáo dục và dân chủ	66

LỜI GIỚI THIỆU

Trong thế kỷ 20, Việt Nam đã trải qua những biến động chính trị lớn, kèm với nó là những cuộc chiến tranh. Hệ quả của nó là chế độ phong kiến nhà Nguyễn đã ra đi, và giờ đây một chế độ phong kiến kiểu mới đang cai trị Việt Nam. Nếu như chế độ phong kiến nhà Nguyễn cai trị Việt Nam dựa trên một dòng họ, thì chế độ cộng sản Việt Nam cai trị đất nước dựa trên một đảng. Dưới cả hai chế độ, người dân hoàn toàn không có bất cứ quyền nào để chọn nên những người lãnh đạo đất nước, và vì vậy họ không có một tiếng nói nào trong các chính sách của quốc gia. Điểm chung của người dân trong hai chế độ này đó là họ là những người ở đợ trên chính đất nước của mình.

Các chế độ này hoàn toàn lỗi thời trước xu thế văn minh của thời đại — thời đại của dân chủ và tự do, nơi các quyền con người cơ bản được tôn trọng. Trong các quyền đó, có quyền được tham gia vào đời sống chính trị của đất nước mình, quyền tự do ngôn luận, và quyền được xét xử công bằng. Đây là những quyền hiện đang bị xâm phạm một cách nghiêm trọng nhất của quốc gia.

Trong chế độ cộng sản hiện nay, không một đảng phái đối lập nào được phép tồn tại ngoài đảng cộng sản. Các cuộc bầu cử chỉ là những màn trình diễn, khi không một đảng phái nào khác được phép tham dự. Không có cơ

quan giám sát bầu cử một cách độc lập. Hơn nữa, cơ chế hiệp thương của đảng Cộng sản đã cho phép nó tự tiện gạt bỏ đi bất cứ ứng cử viên nào, kể cả những đảng viên của nó. Đó không phải là một cuộc bầu cử tự do, thậm chí đối với các đảng viên cộng sản.

Không có một tờ báo độc lập nào được phép tồn tại trong chế độ cộng sản hiện nay. Tất cả những tờ báo hiện diện trong chế độ hiện nay đều chịu sự quản lý trực tiếp của đảng Cộng sản và các cơ quan của nó. Không chỉ dừng ở đó, khi người dân tìm cách thể hiện ý kiến của mình qua các phương tiện xã hội khác, họ liên tục bị đe dọa bằng các hình phạt và bị bỏ tù bởi những điều luật phi lý.

Công lý không tồn tại trong chế độ hiện nay. Nếu có công lý, hẳn các lãnh đạo đảng Cộng sản phải bị bỏ tù, vì họ liên tục vi phạm các công ước quốc tế mà họ đã ký và cam kết thực thi — trong đó có nghĩa vụ đảm bảo các quyền tự do và dân chủ cơ bản.

Nếu có công lý, hẳn sẽ không bao giờ tồn tại chính sách đất đai thuộc sở hữu của toàn dân khi mà mảnh đất gắn với quyền sở hữu cá nhân giờ đây lại chuyển thành sở hữu toàn dân và do nhà nước quản lý. Nhưng toàn dân và nhà nước là một. Và vì vậy mà sở hữu cá nhân giờ đây chuyển thành sở hữu nhà nước. Đó là một hình thức tước đoạt tài sản bằng văn bản và thủ tục hành chính.

Một nhà nước tự ban hành luật để bảo vệ quyền sở hữu cá nhân, nhưng đồng thời lại trừng trị vi phạm chính những luật đó, chỉ có thể được gọi là một chính quyền phi công lý. Và chính vì sự phi công lý ấy, mà hàng vạn người dân mất đất — bị tước đoạt một cách dễ dàng để phục vụ cho lợi ích của các nhóm thân hữu.

Cũng chính vì sự phi công lý đó, các dự án quốc gia không được trao cho những đơn vị có năng lực và minh bạch, mà lại rơi vào tay các nhóm lợi ích gần gũi với chính quyền, dẫn đến thất thoát, lãng phí và suy yếu nền kinh tế quốc gia.

Sự phi công lý này tồn tại bởi vì Việt Nam không có đảng đối lập đóng vai trò kiểm soát quyền lực của đảng Cộng sản hay Việt Nam chưa có dân chủ.

Với những ai khao khát được sống trong một xã hội tự do và dân chủ — nơi các quyền con người cơ bản được tôn trọng, và người dân có quyền tự quản thông qua những đại diện do chính họ lựa chọn — câu hỏi đặt ra một cách tự nhiên là: Làm thế nào chúng ta có thể đạt được điều đó, xuất phát từ thực trạng hiện nay?

Xã hội dân chủ có những nguyên tắc đặc trưng nhất định. Những nguyên tắc này thiết lập nên một bộ khung hoạt động của xã hội mà ở đó các giá trị tự do và dân chủ được xiển dương và phát triển.

Trong suốt chiều dài lịch sử, chỉ một bộ phận nhỏ người Việt từng có cơ hội trải nghiệm một chế độ tương đối

dân chủ – dù còn nhiều khiếm khuyết. Đó là giai đoạn 20 năm từ 1954 đến 1975 tại miền Nam Việt Nam, một quãng thời gian ngắn ngủi đã kết thúc cách đây nửa thế kỷ. Những người từng sống và ghi nhớ thời kỳ đó giờ đây phần lớn đã cao tuổi, nếu còn sống.

Đa số người dân Việt Nam ngày nay gần như không có nhận thức rõ ràng về các giá trị cốt lõi của một xã hội dân chủ: dân chủ là gì, gồm những yếu tố nào; người dân có quyền và trách nhiệm gì; chính phủ cần làm gì và bị giới hạn ra sao; xã hội dân chủ vận hành theo những nguyên tắc nào; vai trò của các nhóm xã hội khác nhau như thế nào; bộ máy nhà nước nên được tổ chức ra sao để vừa hiệu quả, vừa bảo đảm các quyền con người, v.v.

Tất cả những điều đó đều cần được học nếu một xã hội muốn chuyển mình sang dân chủ. Giống như khi bạn bước vào một ngôi nhà mới — bạn cần hiểu và tuân thủ những quy tắc để có thể sống hài hòa trong ngôi nhà ấy.

Chuyển đổi từ độc tài sang dân chủ, vì thế, không chỉ là thay đổi về thể chế chính trị, mà còn là một cuộc chuyển hóa sâu sắc về văn hoá — văn hoá nhận thức và văn hoá sống.

Tuyển tập dưới đây của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ trình bày một cách tổng quan về những nguyên tắc đặc trưng đó của một xã hội dân chủ.

Tuyển tập này không chỉ giúp độc giả hệ thống hóa những nguyên tắc cốt lõi của một xã hội tự do và dân

chủ, mà còn khơi dậy suy tư nơi những công dân yêu nước — những người khao khát dân thân vì một Việt Nam dân chủ. Với những tấm lòng như vậy, họ sẽ tìm thấy ở đây một định hướng rõ ràng: cùng nhau xây dựng và xác lập những nguyên tắc nền tảng cho một nền dân chủ đích thực, như một bước đi thiết yếu để đưa đất nước tiến gần hơn đến mục tiêu ấy.

Việc thiết lập những nguyên tắc nền tảng cho một xã hội dân chủ không phải là điều có thể đạt được trong một sớm một chiều, và chắc chắn không thể do một cá nhân đơn lẻ thực hiện. Đó là một quá trình dần dần mở rộng các giới hạn mà thể chế độc tài áp đặt lên xã hội, nhằm kiến tạo một không gian dân sự ngày càng rộng lớn hơn, từ đó từng bước tiệm cận với các nguyên tắc của nền dân chủ.

Cụ thể, một cá nhân hoặc một nhóm người có thể góp phần đẩy nhanh tiến trình dân chủ hóa bằng cách thúc đẩy sự phát triển trong những lĩnh vực then chốt như: nhân quyền, pháp quyền, bình đẳng giới, giáo dục công dân, tự do báo chí, phát triển các đảng phái chính trị, và tăng cường trách nhiệm giải trình của chính phủ.

Trong quá trình mở rộng không gian dân sự, những người dân thân chắc chắn sẽ sử dụng tiếng nói và ảnh hưởng của mình như những công cụ đấu tranh bất bạo động. Cách tiếp cận này vừa giúp họ mở rộng mặt trận hoạt động một cách linh hoạt, vừa duy trì được sự an toàn và bền bỉ cho lực lượng tham gia. Qua đó, từng

bước đẩy lùi các giới hạn do chính quyền áp đặt — cho đến khi những giới hạn ấy không còn tồn tại.

Nguyễn Huy Vũ

21/6/2025

1. TỔNG QUAN: DÂN CHỦ LÀ GÌ

Dân chủ bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp, từ "demos" có nghĩa là nhân dân. Trong các nền dân chủ, chính nhân dân là chủ thể nắm giữ quyền lực tối cao đối với cơ quan lập pháp và chính phủ.

Mặc dù các nền dân chủ trên thế giới có những khác biệt, nhưng vẫn tồn tại những nguyên tắc và thực tiễn cốt lõi giúp phân biệt chế độ dân chủ với các hình thức chính quyền khác.

Dân chủ là hình thức chính quyền trong đó quyền lực và trách nhiệm công dân được thực hiện bởi toàn thể người dân, trực tiếp hoặc thông qua những đại diện được bầu chọn một cách tự do.

Dân chủ là tập hợp các nguyên tắc và thực tiễn nhằm bảo vệ quyền tự do của con người; nó là sự thể chế hóa của tự do.

Nền dân chủ dựa trên nguyên tắc đa số quyết định, đi kèm với việc bảo vệ quyền cá nhân và quyền của các nhóm thiểu số. Mọi nền dân chủ, trong khi tôn trọng ý chí của đa số, đều đồng thời bảo vệ một cách nghiêm ngặt các quyền cơ bản của cá nhân và các nhóm thiểu số.

Dân chủ ngăn chặn sự tập trung quyền lực tuyệt đối vào chính quyền trung ương bằng cách phân quyền cho các cấp chính quyền khu vực và địa phương, với nhận thức rằng chính quyền địa phương cần phải gần gũi và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người dân.

Các nền dân chủ nhận thức rõ một trong những chức năng chính của mình là bảo vệ các quyền con người cơ bản như quyền tự do ngôn luận và tín ngưỡng; quyền được bảo vệ bình đẳng trước pháp luật; cũng như cơ hội tổ chức và tham gia một cách đầy đủ vào đời sống chính trị, kinh tế và văn hóa của xã hội.

Các nền dân chủ tổ chức các cuộc bầu cử định kỳ, tự do và công bằng, dành cho mọi công dân. Bầu cử trong một nền dân chủ không thể là bình phong để các nhà độc tài hoặc một đảng duy nhất che giấu, mà phải là cuộc cạnh tranh thực sự để giành được sự ủng hộ của nhân dân.

Dân chủ đặt chính phủ dưới sự quản lý của pháp quyền và đảm bảo rằng mọi công dân đều được bảo vệ một cách bình đẳng theo pháp luật, và rằng các quyền của họ được hệ thống pháp lý bảo vệ.

Các nền dân chủ rất đa dạng, phản ánh đặc điểm chính trị, xã hội và văn hóa riêng biệt của từng quốc gia. Dân chủ dựa trên các nguyên tắc cốt lõi chứ không đòi hỏi các thực tiễn phải đồng nhất.

Công dân trong một nền dân chủ không chỉ có quyền mà còn có trách nhiệm tham gia vào hệ thống chính trị, và

hệ thống có nhiệm vụ bảo vệ các quyền và sự tự do của họ.

Các xã hội dân chủ cam kết với các giá trị về lòng khoan dung, sự hợp tác và tinh thần thỏa hiệp. Dân chủ thừa nhận rằng việc đạt được đồng thuận đòi hỏi sự nhượng bộ và rằng điều này không phải lúc nào cũng có thể đạt được. Như Mahatma Gandhi từng nói: *“Sự không khoan dung bản thân nó là một hình thức bạo lực và là trở ngại đối với sự phát triển của tinh thần dân chủ đích thực.”*

2. NGUYÊN TẮC ĐA SỐ QUYẾT ĐỊNH VÀ QUYỀN CỦA THiểu SỐ

Bê ngoài, nguyên tắc đa số quyết định và việc bảo vệ quyền của cá nhân cùng các nhóm thiểu số có vẻ như mâu thuẫn với nhau. Tuy nhiên, trên thực tế, hai nguyên tắc này là những trụ cột song hành nâng đỡ nền tảng cốt lõi của thể chế dân chủ.

Nguyên tắc đa số quyết định là một phương thức để tổ chức bộ máy nhà nước và giải quyết các vấn đề công cộng; nó không phải là một con đường dẫn đến sự áp bức. Cũng như không một nhóm tự phong nào có quyền đàn áp người khác, thì một nhóm đa số – ngay cả trong một nền dân chủ – cũng không nên tước đoạt các quyền và sự tự do cơ bản của các cá nhân hoặc nhóm thiểu số.

Các nhóm thiểu số – dù xuất phát từ nền tảng sắc tộc, tín ngưỡng tôn giáo, vị trí địa lý, mức thu nhập, hay đơn giản là vì họ thuộc phe thua cuộc trong một cuộc bầu cử hoặc tranh luận chính trị – đều có những quyền con người cơ bản được bảo đảm. Không một chính quyền nào, dù được bầu chọn hay không, cũng như không một nhóm đa số nào, có thể tước bỏ các quyền đó.

Các nhóm thiểu số cần đặt niềm tin vào việc chính quyền sẽ bảo vệ các quyền và bản sắc của họ. Khi điều này được đảm bảo, họ có thể tích cực tham gia và đóng góp vào các thể chế dân chủ của quốc gia.

Trong số những quyền con người cơ bản mà bất kỳ chính quyền dân chủ nào cũng phải bảo vệ bao gồm: quyền tự do ngôn luận và biểu đạt; quyền tự do tín ngưỡng và niềm tin; quyền được xét xử công bằng và được bảo vệ bình đẳng theo pháp luật; và quyền tự do tổ chức, phát biểu ý kiến, phản đối và tham gia đầy đủ vào đời sống công cộng của xã hội.

Các nền dân chủ nhận thức rõ rằng một trong những nhiệm vụ cốt lõi của mình là bảo vệ quyền của các nhóm thiểu số trong việc duy trì bản sắc văn hóa, thực hành xã hội, lương tâm cá nhân và hoạt động tôn giáo.

Việc chấp nhận các nhóm sắc tộc và văn hóa có thể bị coi là xa lạ, thậm chí khó hiểu đối với đa số, là một trong những thách thức lớn nhất mà bất kỳ chính quyền dân chủ nào cũng phải đối mặt. Tuy vậy, các nền dân chủ hiểu rằng sự đa dạng chính là một tài sản to lớn. Họ xem sự khác biệt về bản sắc, văn hóa và giá trị không phải là mối đe dọa, mà là một thách thức có thể làm phong phú và củng cố xã hội.

Không thể có một câu trả lời duy nhất cho cách thức giải quyết các khác biệt về quan điểm và giá trị giữa các nhóm thiểu số. Điều duy nhất có thể chắc chắn là: chỉ

thông qua tiến trình dân chủ với sự khoan dung, đối thoại và sẵn sàng thỏa hiệp, các xã hội tự do mới có thể đạt được sự đồng thuận, qua đó thực hiện trọn vẹn hai nguyên tắc cốt lõi: đa số quyết định và quyền của thiểu số.

3. QUAN HỆ DÂN SỰ - QUÂN SỰ

Các vấn đề liên quan đến chiến tranh và hòa bình là những vấn đề hệ trọng bậc nhất mà bất kỳ quốc gia nào cũng có thể phải đối diện. Trong những thời điểm khủng hoảng, không ít quốc gia có xu hướng tìm đến lực lượng quân sự như một giải pháp lãnh đạo. Tuy nhiên, điều này không phù hợp trong bối cảnh của các nền dân chủ.

Trong một thể chế dân chủ, các quyết định liên quan đến chiến tranh, hòa bình hay các mối đe dọa đối với an ninh quốc gia là những vấn đề có ý nghĩa trọng đại đối với toàn xã hội, và vì vậy, cần phải được quyết định bởi nhân dân thông qua các đại diện do họ trực tiếp bầu ra. Quân đội trong một quốc gia dân chủ có chức năng phục vụ quốc gia, chứ không được quyền lãnh đạo. Các sĩ quan quân sự có vai trò cố vấn cho giới lãnh đạo dân sự được bầu và thực hiện các quyết định do những người này ban hành. Chỉ những cá nhân được ủy quyền thông qua bầu cử dân chủ mới có thẩm quyền và trách nhiệm quyết định vận mệnh của quốc gia.

Do đó, nguyên tắc kiểm soát dân sự đối với quân đội là một nền tảng không thể thiếu của thể chế dân chủ.

Việc các công dân đảm nhiệm vai trò chỉ đạo quân đội quốc gia và quyết định các vấn đề quốc phòng không

xuất phát từ giả định rằng họ am hiểu hơn các chuyên gia quân sự, mà bởi vì họ là những người đại diện cho nhân dân, và do đó có trách nhiệm đưa ra các quyết định chính trị và chịu trách nhiệm giải trình trước công chúng.

Lực lượng quân đội trong một nhà nước dân chủ được thiết lập nhằm bảo vệ quốc gia và bảo đảm các quyền tự do cơ bản của công dân. Quân đội không đại diện cho bất kỳ quan điểm chính trị, sắc tộc hay nhóm xã hội cụ thể nào. Sự trung thành của họ hướng tới các lý tưởng phổ quát của quốc gia, đối với pháp quyền và với nguyên lý dân chủ.

Việc duy trì sự kiểm soát của giới dân sự nhằm bảo đảm rằng các giá trị, thể chế và chính sách của quốc gia là kết quả của ý chí tự do của nhân dân, chứ không phải là sản phẩm của giới quân sự. Chức năng của quân đội là bảo vệ xã hội, chứ không phải định hình hoặc lãnh đạo xã hội đó.

Mọi chính phủ dân chủ đều trân trọng kiến thức chuyên môn và các khuyến nghị của giới quân sự trong quá trình hoạch định chính sách quốc phòng và an ninh quốc gia. Các nhà lãnh đạo dân sự dựa vào quân đội để tiếp nhận sự tư vấn chuyên sâu trong các lĩnh vực này, đồng thời giao phó cho quân đội nhiệm vụ thực thi các quyết sách đã được thông qua. Tuy nhiên, chỉ có giới lãnh đạo dân sự do dân bầu mới có quyền đưa ra các quyết định chính sách tối hậu – và lực lượng quân đội có nghĩa vụ thi

hành các quyết định ấy trong phạm vi trách nhiệm của mình.

Dĩ nhiên, các cá nhân trong quân đội có quyền tham gia bình đẳng vào đời sống chính trị của quốc gia với tư cách là công dân – song điều đó chỉ được thực hiện khi họ đã rời khỏi quân ngũ. Các lực lượng vũ trang cần phải duy trì sự trung lập và không được can dự vào các hoạt động chính trị. Quân đội là lực lượng trung lập phục vụ cho nhà nước, không phải là công cụ của bất kỳ đảng phái hay phe nhóm nào, và là người bảo vệ trật tự xã hội.

Sau cùng, việc duy trì sự kiểm soát dân sự đối với quân đội là điều kiện tiên quyết để bảo đảm rằng các chính sách quốc phòng và an ninh không phương hại đến những giá trị cốt lõi của nền dân chủ, bao gồm nguyên tắc đa số, quyền của thiểu số, tự do ngôn luận, tự do tôn giáo và các nguyên tắc tổ tụng công bằng. Việc bảo đảm nguyên tắc kiểm soát dân sự là trách nhiệm của tất cả các nhà lãnh đạo chính trị, trong khi quân đội có nghĩa vụ tuân thủ các mệnh lệnh hợp pháp do chính quyền dân sự ban hành.

4. CÁC ĐẢNG PHÁI CHÍNH TRỊ

Để bảo vệ và duy trì các quyền và tự do cá nhân, người dân trong một xã hội dân chủ cần phải cùng nhau hợp tác nhằm định hình nên chính phủ mà họ lựa chọn. Phương thức chính yếu để thực hiện điều này là thông qua các đảng phái chính trị.

Các đảng phái chính trị là những tổ chức tự nguyện có chức năng kết nối người dân với chính quyền. Các đảng tuyển chọn ứng cử viên và tiến hành vận động tranh cử nhằm đưa họ vào các chức vụ công, đồng thời huy động người dân tham gia vào quá trình lựa chọn các nhà lãnh đạo chính phủ.

Đảng chiếm đa số (hoặc đảng giành được quyền kiểm soát các vị trí trong chính quyền) sẽ nỗ lực đưa một loạt chính sách và chương trình khác nhau thành luật. Các đảng đối lập được quyền tự do chỉ trích các chính sách của đảng đa số và đề xuất các giải pháp thay thế của riêng mình.

Các đảng phái chính trị tạo ra cơ chế để công dân giám sát và buộc các quan chức được bầu của đảng phải chịu trách nhiệm đối với những hành động của họ trong chính phủ.

Các đảng chính trị dân chủ đặt niềm tin vào những nguyên tắc của nền dân chủ, từ đó họ thừa nhận và tôn trọng quyền lực của chính phủ do nhân dân bầu ra, ngay cả khi những người lãnh đạo của đảng họ không nắm quyền.

Cũng giống như bất kỳ nền dân chủ nào, các thành viên của nhiều đảng phái khác nhau phản ánh sự đa dạng văn hóa trong xã hội nơi các đảng đó được hình thành. Một số đảng có quy mô nhỏ, dựa trên một hệ tư tưởng chính trị nhất định. Một số khác được tổ chức xung quanh các lợi ích kinh tế hoặc lịch sử chung. Lại có những đảng là các liên minh lỏng lẻo giữa nhiều nhóm công dân, chỉ quy tụ lại vào thời điểm bầu cử.

Tất cả các đảng chính trị dân chủ, dù là phong trào quy mô nhỏ hay liên minh quốc gia lớn, đều chia sẻ những giá trị về sự thỏa hiệp và lòng khoan dung. Họ hiểu rằng chỉ thông qua các liên minh rộng lớn và sự hợp tác với các đảng phái và tổ chức khác, họ mới có thể mang lại khả năng lãnh đạo và tầm nhìn chung để giành được sự ủng hộ của nhân dân.

Các đảng dân chủ nhận thức rằng quan điểm chính trị là linh hoạt và có thể thay đổi, và rằng sự đồng thuận thường có thể xuất hiện từ quá trình va chạm giữa các ý tưởng và giá trị trong một môi trường tranh luận công khai, tự do và hòa bình.

Khái niệm "đôi lập trung thành" là yếu tố cốt lõi trong bất kỳ nền dân chủ nào. Điều đó có nghĩa là tất cả các bên trong cuộc tranh luận chính trị – dù khác biệt đến đâu – vẫn chia sẻ những giá trị dân chủ nền tảng như tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng và quyền được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng. Các đảng thua trong các cuộc bầu cử sẽ đóng vai trò đối lập – với sự tin tưởng rằng hệ thống chính trị vẫn sẽ bảo vệ quyền được tổ chức và phát biểu của họ. Theo thời gian, đảng của họ sẽ có cơ hội vận động trở lại để trình bày quan điểm và giành được lá phiếu của người dân.

Trong một nền dân chủ, cuộc cạnh tranh giữa các đảng phái chính trị không phải là cuộc chiến sinh tồn, mà là sự cạnh tranh để phục vụ nhân dân.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG DÂN

Khác với chế độ độc tài, chính phủ dân chủ tồn tại để phục vụ người dân; tuy nhiên, công dân trong các nền dân chủ cũng phải đồng thuận tuân theo những quy định và nghĩa vụ do hệ thống quản trị đặt ra. Dân chủ mang lại nhiều quyền tự do cho công dân, bao gồm quyền bất đồng chính kiến và quyền phê phán chính phủ.

Quyền công dân trong một nền dân chủ đòi hỏi sự tham gia tích cực, thái độ văn minh và thậm chí là sự kiên nhẫn.

Công dân trong xã hội dân chủ nhận thức rằng họ không chỉ có quyền lợi, mà còn có những trách nhiệm song hành. Họ hiểu rằng nền dân chủ đòi hỏi sự đầu tư về thời gian và nỗ lực – một chính phủ của dân đòi hỏi sự cảnh giác và hỗ trợ liên tục từ chính người dân.

Trong một số quốc gia dân chủ, nghĩa vụ công dân bao gồm việc phục vụ trong bồi thẩm đoàn, hoặc thực hiện nghĩa vụ quân sự hoặc dân sự bắt buộc trong một khoảng thời gian nhất định. Một số nghĩa vụ khác mang tính bắt buộc trong mọi nền dân chủ, và thuộc về trách nhiệm cá nhân của từng công dân – nghĩa vụ quan trọng nhất trong số này là nghĩa vụ **tuân thủ pháp luật**.

Trách nhiệm công dân còn bao gồm: nộp thuế đầy đủ theo quy định, chấp nhận thẩm quyền của chính phủ được bầu hợp pháp, và tôn trọng quyền lợi của những người có quan điểm khác biệt.

Công dân dân chủ hiểu rằng để được hưởng sự bảo vệ các quyền lợi của mình, họ cũng phải gánh vác trách nhiệm đối với xã hội mà họ đang sống trong đó.

Có một câu nói quen thuộc trong các xã hội tự do: *“Bạn sẽ có chính phủ mà bạn xứng đáng được hưởng.”* Để nền dân chủ vận hành hiệu quả, công dân không thể thụ động mà phải chủ động, bởi họ hiểu rằng sự thành công hay thất bại của chính quyền là trách nhiệm của chính họ, chứ không phải của bất kỳ ai khác. Ngược lại, các quan chức chính phủ cần hiểu rằng mọi công dân phải được đối xử công bằng, và hành vi hối lộ không có chỗ đứng trong một chính phủ dân chủ.

Trong một hệ thống dân chủ, những người không hài lòng với lãnh đạo đương nhiệm có quyền tự do tổ chức và bày tỏ quan điểm một cách ôn hòa để kêu gọi thay đổi – hoặc chờ đến thời điểm bầu cử để loại bỏ những lãnh đạo đó thông qua lá phiếu.

Một nền dân chủ không thể phát triển lành mạnh nếu công dân chỉ tham gia bầu cử một cách rời rạc. Nền dân chủ cần có sự quan tâm thường xuyên, đầu tư thời gian và cam kết lâu dài từ một số lượng lớn công dân – những

người đồng thời cũng trông đợi chính phủ bảo vệ các quyền và sự tự do của họ.

Công dân trong một nền dân chủ tham gia vào các đảng phái chính trị và vận động cho các ứng cử viên mà họ lựa chọn. Họ chấp nhận thực tế rằng đảng của mình có thể không phải lúc nào cũng nắm quyền.

Họ có quyền tự do ra tranh cử hoặc đảm nhận các vị trí công vụ được bổ nhiệm trong một thời gian nhất định.

Họ sử dụng báo chí tự do để lên tiếng về các vấn đề ở địa phương và trên toàn quốc.

Họ tham gia các công đoàn, nhóm cộng đồng, và hiệp hội doanh nghiệp.

Họ tham gia vào các tổ chức tình nguyện tư nhân cùng chia sẻ mối quan tâm – dù đó là tổ chức tôn giáo, văn hóa dân tộc, học thuật, thể thao, nghệ thuật, văn học, cải thiện khu dân cư, trao đổi sinh viên quốc tế hay hàng trăm hoạt động khác.

Tất cả những tổ chức này – dù có mối liên hệ gần hay xa với chính phủ – đều góp phần làm phong phú và nâng cao sức sống của nền dân chủ.

6. BÁO CHÍ TỰ DO

Trong một nền dân chủ, báo chí cần được vận hành độc lập và không chịu sự kiểm soát của chính phủ. Các chính phủ dân chủ không có bộ thông tin để kiểm duyệt nội dung báo chí hoặc kiểm soát hoạt động của các nhà báo; không yêu cầu nhà báo phải được nhà nước thẩm định; cũng không ép buộc họ tham gia vào các công đoàn do nhà nước kiểm soát.

Một nền báo chí tự do có vai trò cung cấp thông tin cho công chúng, giám sát các nhà lãnh đạo, và tạo ra diễn đàn thảo luận về các vấn đề địa phương và quốc gia.

Các nền dân chủ thúc đẩy sự tồn tại của báo chí tự do. Một nền tư pháp độc lập, xã hội dân sự với nguyên tắc pháp quyền, và quyền tự do ngôn luận đều góp phần hỗ trợ báo chí tự do. Báo chí tự do cần được bảo vệ bằng pháp luật.

Trong các nền dân chủ, chính phủ phải chịu trách nhiệm về hành động của mình. Do đó, người dân có quyền được thông tin về những quyết định mà chính phủ thực hiện thay mặt họ. Báo chí thực hiện quyền “được biết” này bằng cách đóng vai trò là cơ quan giám sát chính phủ, hỗ trợ người dân trong việc yêu cầu chính phủ chịu trách nhiệm giải trình, và chất vấn các chính sách của chính phủ. Các chính phủ dân chủ cho phép nhà báo tiếp cận các cuộc họp và tài liệu công. Họ không áp đặt sự kiểm

duyet trước đối với những gì nhà báo được phép nói hoặc đăng tải.

Bản thân báo chí cũng cần hành xử một cách có trách nhiệm. Thông qua các hiệp hội nghề nghiệp, hội đồng báo chí độc lập, và các “ủy viên công chúng” – những người chịu trách nhiệm tiếp nhận khiếu nại của công chúng – báo chí có thể phản hồi trước những hành vi vượt giới hạn của chính mình và duy trì trách nhiệm nội tại.

Dân chủ đòi hỏi công chúng phải đưa ra lựa chọn và quyết định. Để công chúng có thể tin tưởng vào báo chí, các nhà báo phải cung cấp thông tin chính xác, dựa trên các nguồn tin và dữ liệu đáng tin cậy. Hành vi đạo văn và đưa tin sai lệch đều đi ngược lại với lý tưởng của một nền báo chí tự do.

Các cơ quan báo chí cần thành lập ban biên tập riêng, độc lập với chính phủ, nhằm tách biệt giữa quá trình thu thập và truyền tải thông tin với quá trình biên tập nội dung.

Nhà báo không nên bị chi phối bởi dư luận, mà chỉ nên bị thúc đẩy bởi mục tiêu theo đuổi sự thật, trong phạm vi gần nhất có thể đạt được. Một nền dân chủ cho phép báo chí thực hiện chức năng thu thập và truyền tải thông tin mà không sợ hãi hay chịu ân huệ từ phía chính quyền.

Nền dân chủ luôn là nơi diễn ra cuộc đấu tranh không ngừng giữa hai quyền lợi: nghĩa vụ của chính phủ trong việc bảo vệ an ninh quốc gia, và quyền được biết của người dân – điều phụ thuộc vào khả năng tiếp cận thông tin của các nhà báo. Đôi khi, chính phủ cần giới hạn quyền tiếp cận đối với những thông tin được coi là quá nhạy cảm để công bố rộng rãi. Tuy nhiên, trong các nền dân chủ, việc nhà báo theo đuổi những thông tin như vậy là hoàn toàn chính đáng.

7. CHỦ NGHĨA LIÊN BANG

Khi các nhóm người tự do đa dạng — có sự khác biệt về ngôn ngữ, tôn giáo hoặc chuẩn mực văn hóa — cùng lựa chọn sống dưới một khuôn khổ hiến pháp được thỏa thuận chung, họ kỳ vọng vào một mức độ tự chủ địa phương nhất định, cũng như cơ hội bình đẳng về kinh tế và xã hội. Một hệ thống chính quyền liên bang — nơi quyền lực được phân chia giữa các cấp địa phương, vùng và quốc gia — trao quyền cho các quan chức được bầu cử, những người xây dựng và thực thi chính sách phù hợp với nhu cầu cụ thể của từng địa phương và từng vùng. Họ làm việc phối hợp với chính phủ trung ương và với nhau nhằm giải quyết những vấn đề mà quốc gia đang đối mặt.

Chủ nghĩa liên bang là một hệ thống phân chia quyền lực và quyền ra quyết định giữa hai hoặc nhiều cấp chính quyền được bầu chọn tự do, cùng có thẩm quyền đối với một cộng đồng dân cư và lãnh thổ chung. Hệ thống này trao quyền và bảo vệ năng lực ra quyết định tại nơi mà tác động của chính sách được cảm nhận trực tiếp nhất — các cộng đồng địa phương, đồng thời vẫn duy trì sự điều hành ở các cấp chính quyền cao hơn.

Chủ nghĩa liên bang thúc đẩy trách nhiệm giải trình của chính quyền đối với người dân và khuyến khích sự tham gia của công dân cùng tinh thần trách nhiệm công dân,

bằng cách cho phép chính quyền địa phương xây dựng và thực thi pháp luật phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng khu vực.

Một hệ thống liên bang được củng cố thông qua một bản hiến pháp thành văn, quy định rõ thẩm quyền và phạm vi trách nhiệm được chia sẻ giữa các cấp chính quyền.

Mặc dù có sự đồng thuận chung rằng các chính quyền địa phương nên giải quyết các nhu cầu của địa phương, song một số vấn đề tốt nhất nên được điều phối ở cấp quốc gia. Quốc phòng, các hiệp định quốc tế, ngân sách liên bang và dịch vụ bưu chính thường được xem là những lĩnh vực điển hình thuộc thẩm quyền trung ương.

Các sắc lệnh địa phương phản ánh những ưu tiên và lựa chọn của cộng đồng địa phương — từ hoạt động tuần tra an ninh, phòng cháy chữa cháy, quản lý hệ thống trường học, cho đến các quy định về y tế và xây dựng đều thường do chính quyền địa phương xây dựng và triển khai.

Quan hệ liên chính phủ thể hiện sự phối hợp giữa các cấp chính quyền trong một quốc gia liên bang (quốc gia, vùng, và địa phương) nhằm giải quyết các vấn đề đòi hỏi cách tiếp cận chung, và khi mà các quyền lực pháp lý có sự giao thoa. Chính phủ trung ương thường có thẩm quyền làm trung gian giải quyết tranh chấp giữa các vùng.

Trong một quốc gia có diện tích rộng lớn và nền kinh tế đa dạng, sự chênh lệch về thu nhập và phúc lợi xã hội giữa các vùng có thể được chính phủ trung ương giải quyết thông qua các chính sách phân bổ lại nguồn thu từ thuế.

Hệ thống liên bang mang tính phản hồi cao và bao trùm. Công dân có quyền tham gia tranh cử vào các vị trí trong bộ máy chính quyền ở mọi cấp — trong đó, các cấp chính quyền địa phương và vùng thường có nhiều vị trí nhất và cũng tạo điều kiện thuận lợi nhất để cá nhân tạo ra sự khác biệt trong cộng đồng của mình.

Chủ nghĩa liên bang tạo ra nhiều cơ hội cho các đảng phái chính trị phục vụ cử tri của mình. Ngay cả khi một đảng không giành được đa số trong cơ quan lập pháp quốc gia hay trong cơ quan hành pháp, họ vẫn có quyền tham gia chính trị ở cấp vùng và địa phương.

8. NGUYÊN TẮC PHÁP QUYỀN

Trong phần lớn lịch sử nhân loại, người cai trị và pháp luật thường đồng nhất với nhau – pháp luật chỉ đơn thuần là ý chí của kẻ cầm quyền. Bước đầu tiên để thoát khỏi chế độ chuyên chế như vậy là khái niệm “cai trị bằng pháp luật”, bao gồm quan niệm rằng ngay cả người đứng đầu cũng phải tuân theo pháp luật và cầm quyền dựa trên các phương tiện hợp pháp. Các nền dân chủ đã tiến xa hơn khi thiết lập nguyên tắc pháp quyền. Mặc dù không có xã hội hay hệ thống chính trị nào hoàn hảo, nguyên tắc pháp quyền bảo vệ các quyền chính trị, xã hội và kinh tế cơ bản, đồng thời nhắc nhở chúng ta rằng chuyên chế và vô pháp không phải là hai lựa chọn duy nhất.

Nguyên tắc pháp quyền khẳng định rằng không một cá nhân nào – dù là tổng thống hay công dân – được đứng trên pháp luật. Chính phủ dân chủ thực thi quyền lực thông qua pháp luật và bản thân chính phủ cũng bị ràng buộc bởi các giới hạn của pháp luật.

Pháp luật phải phản ánh ý chí của nhân dân, chứ không phải là sự tùy hứng của các vị vua, nhà độc tài, tướng lĩnh quân đội, lãnh đạo tôn giáo hay các đảng phái tự phong.

Công dân trong các nền dân chủ chấp hành pháp luật bởi vì họ tuân thủ những quy định do chính họ đặt ra.

Công lý đạt được một cách tốt nhất khi pháp luật được xây dựng bởi chính những người chịu sự điều chỉnh của nó.

Dưới nguyên tắc pháp quyền, cần có một hệ thống tòa án độc lập và vững mạnh, có đủ quyền lực, nguồn lực và uy tín để buộc các quan chức chính phủ – kể cả những lãnh đạo cấp cao – phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và các quy định quốc gia.

Vì lý do đó, các thẩm phán cần phải được đào tạo chuyên sâu, có tính chuyên nghiệp, độc lập và vô tư. Để thực hiện đúng vai trò cần thiết trong hệ thống pháp lý và chính trị, các thẩm phán phải cam kết với các nguyên tắc của nền dân chủ.

Pháp luật trong một nền dân chủ có thể bắt nguồn từ nhiều nguồn khác nhau: hiến pháp thành văn; luật và quy định hành chính; các giáo lý tôn giáo và đạo đức; cùng với truyền thống và thực hành văn hóa. Dù bắt nguồn từ đâu, pháp luật vẫn phải bao hàm các quy định nhằm bảo vệ quyền và tự do của công dân:

Theo nguyên tắc bảo vệ bình đẳng trước pháp luật, pháp luật không được áp dụng riêng biệt cho bất kỳ cá nhân hoặc nhóm nào.

Công dân phải được bảo vệ khỏi việc bắt giữ tùy tiện và việc khám xét nơi ở hoặc tịch thu tài sản một cách vô lý.

Người bị buộc tội có quyền được xét xử công khai và nhanh chóng, đồng thời có cơ hội đối chất và chất vấn

người tố cáo mình. Nếu bị kết án, họ không bị chịu hình phạt tàn bạo hay bất thường.

Công dân không thể bị buộc phải tự buộc tội. Nguyên tắc này bảo vệ họ khỏi sự cưỡng ép, lạm dụng hoặc tra tấn, đồng thời làm giảm đáng kể nguy cơ cảnh sát sử dụng các biện pháp như vậy.

9. QUYỀN CON NGƯỜI

Tất cả con người đều được sinh ra với các quyền không thể chuyển nhượng. Những quyền con người này trao cho mỗi cá nhân khả năng theo đuổi một cuộc sống có phẩm giá – vì vậy, không một chính phủ nào có thể ban phát các quyền này, nhưng mọi chính phủ đều có nghĩa vụ bảo vệ chúng. Tự do – được xây dựng trên nền tảng của công lý, lòng khoan dung, phẩm giá và sự tôn trọng – bất kể sắc tộc, tôn giáo, xu hướng chính trị hay địa vị xã hội – cho phép con người theo đuổi các quyền cơ bản ấy. Nếu như các chế độ độc tài phủ nhận quyền con người, thì các xã hội tự do không ngừng nỗ lực hiện thực hóa chúng.

Quyền con người có tính liên kết và không thể phân chia; chúng bao trùm nhiều khía cạnh của đời sống con người, bao gồm các vấn đề xã hội, chính trị và kinh tế. Trong số đó, các quyền được công nhận rộng rãi nhất bao gồm:

Mọi người đều có quyền hình thành quan điểm riêng và bày tỏ chúng, dù là cá nhân hay trong các cuộc tụ họp ôn hòa. Các xã hội tự do tạo ra một “thị trường ý tưởng”, nơi con người có thể trao đổi quan điểm về mọi vấn đề.

Mọi người đều có quyền tham gia vào chính quyền. Các chính phủ có trách nhiệm ban hành pháp luật nhằm bảo vệ quyền con người, và hệ thống tư pháp phải thực thi các luật này một cách công bằng đối với toàn dân.

Quyền được bảo vệ khỏi việc bắt giữ, giam giữ và tra tấn tùy tiện – dù là đối với người bất đồng chính kiến, người thuộc dân tộc thiểu số hay thậm chí là tội phạm thường – là một quyền cơ bản. Một lực lượng cảnh sát chuyên nghiệp phải thực thi pháp luật trong sự tôn trọng đối với mọi công dân.

Trong các quốc gia đa sắc tộc, các cộng đồng tôn giáo và dân tộc thiểu số phải được tự do sử dụng ngôn ngữ của mình và duy trì các truyền thống văn hóa mà không lo sợ bị kỳ thị hay trừng phạt từ đa số. Chính phủ cần công nhận quyền của các nhóm thiểu số trong khi vẫn tôn trọng ý chí của đa số.

Mọi người đều có quyền được làm việc, kiếm sống và nuôi dưỡng gia đình mình.

Trẻ em xứng đáng được bảo vệ đặc biệt. Các em phải được hưởng ít nhất một nền giáo dục tiểu học, được cung cấp dinh dưỡng đầy đủ và được chăm sóc y tế thích hợp.

Để duy trì các quyền con người, công dân trong các xã hội tự do phải luôn cảnh giác. Trách nhiệm công dân – thông qua nhiều hình thức tham gia khác nhau – là yếu tố đảm bảo chính phủ phải chịu trách nhiệm trước nhân dân. Cộng đồng các quốc gia tự do cam kết thúc đẩy và bảo vệ quyền con người, và họ thể hiện cam kết đó thông qua nhiều hiệp ước và công ước quốc tế về quyền con người.

10. QUYỀN LỰC HÀNH PHÁP

Lãnh đạo của các chính phủ dân chủ cai trị với sự đồng thuận của công dân. Những lãnh đạo này mạnh mẽ không phải vì họ chỉ huy quân đội hay sở hữu tài sản kinh tế, mà vì họ tôn trọng các giới hạn mà cử tri đặt ra đối với họ thông qua các cuộc bầu cử tự do và công bằng.

Thông qua các cuộc bầu cử tự do, công dân của một nền dân chủ trao quyền cho các nhà lãnh đạo của họ, và quyền lực này được xác định bởi pháp luật. Trong một nền dân chủ hiến pháp, quyền lực được phân chia sao cho cơ quan lập pháp ban hành luật, quyền hành pháp thi hành và thực thi luật, và hệ thống tư pháp hoạt động độc lập.

Lãnh đạo dân chủ không phải là những nhà độc tài được bầu lên hay những "tổng thống suốt đời". Họ phục vụ trong các nhiệm kỳ cố định và chấp nhận kết quả của các cuộc bầu cử tự do, ngay cả khi điều đó có nghĩa là mất quyền kiểm soát chính phủ.

Trong các nền dân chủ hiến pháp, quyền hành pháp thường bị giới hạn theo ba cách: thông qua hệ thống kiểm tra và cân bằng (checks and balances) phân chia quyền lực giữa các nhánh hành pháp, lập pháp và tư pháp của chính phủ quốc gia; thông qua chế độ liên bang, mà ở đó quyền lực được phân chia giữa chính phủ

trung ương và các chính quyền tiểu bang/địa phương; và thông qua các bảo đảm hiến pháp đối với quyền lợi cơ bản của công dân.

Ở cấp quốc gia, quyền hành pháp bị giới hạn bởi quyền hiến pháp trao cho nhánh lập pháp và bởi một hệ thống tư pháp độc lập.

Quyền hành pháp trong các nền dân chủ hiện đại thường được tổ chức theo một trong hai cách: hệ thống nghị viện (parliamentary system) hoặc hệ thống tổng thống (presidential system).

Trong hệ thống nghị viện, đảng phái chiếm đa số trong cơ quan lập pháp sẽ hình thành nhánh hành pháp của chính phủ, đứng đầu là thủ tướng.

Trong hệ thống nghị viện, các nhánh lập pháp và hành pháp không hoàn toàn tách biệt, vì thủ tướng và các thành viên của nội các được chọn từ quốc hội. Trong các hệ thống này, phe đối lập chính trị đóng vai trò quan trọng trong việc hạn chế quyền lực của hành pháp.

Trong hệ thống tổng thống, tổng thống được bầu riêng biệt với các thành viên của cơ quan lập pháp.

Trong hệ thống tổng thống, cả tổng thống và cơ quan lập pháp đều có cơ sở quyền lực và cử tri riêng, giúp kiểm tra và cân bằng quyền lực của nhau.

Các nền dân chủ không yêu cầu chính phủ của họ phải yếu, mà chỉ yêu cầu chính phủ phải bị giới hạn về quyền

lực. Do đó, các nền dân chủ có thể chậm trong việc đạt được thỏa thuận về các vấn đề của quốc gia; tuy nhiên, khi họ đạt được thỏa thuận, các nhà lãnh đạo có thể hành động với quyền lực và sự tự tin lớn.

Trong mọi thời điểm, các nhà lãnh đạo trong một nền dân chủ hiến pháp đều phải hoạt động trong khuôn khổ pháp quyền, mà trong đó quyền lực của họ được xác định và giới hạn.

11. QUYỀN LẬP PHÁP

Các đại diện được bầu trong một nền dân chủ – dù là thành viên của quốc hội hay hội đồng lập pháp – đều có trách nhiệm phục vụ nhân dân. Họ đảm nhận nhiều vai trò thiết yếu đối với sự vận hành của một nền dân chủ lành mạnh.

Cơ quan lập pháp do dân bầu là diễn đàn chính để thảo luận, tranh luận và thông qua luật pháp trong một nền dân chủ đại diện. Đây không phải là những “quốc hội bù nhìn” chỉ đơn thuần phê chuẩn các quyết định của một nhà lãnh đạo độc đoán.

Quyền giám sát và điều tra cho phép các nhà lập pháp chất vấn công khai các quan chức chính phủ về hành động và quyết định của họ, đồng thời đóng vai trò kiểm soát quyền lực của các bộ, ngành chính phủ – đặc biệt trong hệ thống tổng thống, nơi cơ quan lập pháp tách biệt với nhánh hành pháp.

Các nhà lập pháp có thể phê chuẩn ngân sách quốc gia, tổ chức các phiên điều trần về những vấn đề cấp thiết và thông qua việc bổ nhiệm nhân sự của cơ quan hành pháp vào tòa án hoặc các bộ. Trong một số nền dân chủ, các ủy ban lập pháp là diễn đàn để các nhà làm luật tiến hành việc giám sát công khai các vấn đề quốc gia.

Các nhà lập pháp có thể ủng hộ chính phủ đương nhiệm hoặc đảm nhận vai trò đối lập chính trị trung thành và đưa ra các chính sách và chương trình thay thế.

Các nhà lập pháp có trách nhiệm trình bày quan điểm của mình một cách hiệu quả nhất. Tuy nhiên, họ cũng phải tuân thủ đạo lý dân chủ về lòng khoan dung, sự tôn trọng và tinh thần thỏa hiệp nhằm đạt được những thỏa thuận vì lợi ích chung của toàn thể nhân dân – chứ không chỉ của những người ủng hộ họ về mặt chính trị. Mỗi nhà lập pháp cần tự cân nhắc việc cân bằng giữa lợi ích chung và nhu cầu của cử tri địa phương.

Các nhà lập pháp thường lắng nghe tâm tư, nguyện vọng và phản ánh các vấn đề cá nhân của cử tri – đồng thời hỗ trợ họ trong việc tiếp cận các cơ quan hành chính công lớn để nhận sự giúp đỡ. Để làm được điều đó, họ thường có một đội ngũ trợ lý chuyên môn hỗ trợ.

Các đại biểu quốc hội thường được bầu chọn theo một trong hai hình thức. Trong hệ thống bầu cử theo đa số tương đối, còn gọi là “người về nhất thắng,” ứng cử viên có số phiếu cao nhất sẽ thắng cử. Trong hệ thống đại diện theo tỉ lệ, thường được sử dụng trong các cuộc bầu cử quốc hội, cử tri bỏ phiếu cho các đảng phái chứ không phải cá nhân, và các đại biểu được phân bổ dựa theo tỷ lệ phiếu bầu nhận được của mỗi đảng.

Hệ thống đại diện theo tỉ lệ thường khuyến khích sự hình thành của nhiều đảng nhỏ có tổ chức chặt chẽ, trong khi hệ thống đa số tương đối lại có xu hướng tạo nên một hệ thống lưỡng đảng lỏng lẻo hơn. Dù theo hình thức nào, các đại diện dân cử đều tham gia vào các hoạt động tranh luận, đàm phán, xây dựng liên minh và thỏa hiệp – những đặc điểm tiêu biểu của cơ quan lập pháp trong một nền dân chủ.

Các cơ quan lập pháp thường có cấu trúc lưỡng viện, với hai viện – thượng viện và hạ viện – và các đạo luật mới thường cần được cả hai viện thông qua.

12. TƯ PHÁP ĐỘC LẬP

Một hệ thống tư pháp công bằng, vô tư và được bảo đảm bởi Hiến pháp được xây dựng trên nền tảng là các thẩm phán độc lập và chuyên nghiệp. Tính độc lập này không đồng nghĩa với việc các thẩm phán có thể đưa ra phán quyết dựa trên sở thích cá nhân, mà là họ có quyền tự do ra quyết định phù hợp với pháp luật – ngay cả khi các quyết định đó đi ngược lại với chính phủ hoặc các bên có thể lực trong vụ án.

Trong các nền dân chủ, sự độc lập khỏi áp lực chính trị từ các quan chức dân cử và cơ quan lập pháp bảo đảm cho tính vô tư của các thẩm phán. Các phán quyết tư pháp cần được đưa ra một cách khách quan, dựa trên các sự kiện của vụ việc, các lập luận pháp lý, và những điều luật có liên quan – không bị giới hạn hay tác động không chính đáng từ bất kỳ bên nào có lợi ích liên quan. Những nguyên tắc này bảo đảm sự bảo vệ pháp lý bình đẳng cho mọi người.

Quyền của các thẩm phán trong việc xem xét các đạo luật công và tuyên bố chúng vi hiến là một cơ chế kiểm soát cơ bản đối với khả năng lạm quyền của chính phủ – ngay cả khi chính phủ đó được bầu ra bởi đa số dân chúng. Tuy nhiên, quyền lực này đòi hỏi hệ thống tòa án phải được nhìn nhận là độc lập và có thể đưa ra phán quyết dựa trên pháp luật, chứ không phải các cân nhắc chính trị.

Dù được bầu chọn hay được bổ nhiệm, các thẩm phán đều phải được bảo đảm về nhiệm kỳ hoặc sự ổn định công việc theo quy định pháp luật, để họ có thể đưa ra các quyết định mà không phải lo sợ bị áp lực hay công kích từ những người có quyền lực. Một xã hội dân sự thể hiện sự coi trọng đội ngũ thẩm phán chuyên nghiệp bằng cách cung cấp cho họ chế độ đào tạo và thù lao xứng đáng.

Niềm tin vào sự vô tư của hệ thống tòa án – rằng nó là một nhánh "phi chính trị" của chính quyền – là nguồn sức mạnh và tính chính danh chủ yếu của hệ thống này.

Tuy nhiên, tòa án cũng không nằm ngoài quyền được công chúng bình luận, giám sát và phê bình, như tất cả các thiết chế khác. Quyền tự do ngôn luận thuộc về tất cả mọi người – cả các thẩm phán lẫn những người chỉ trích họ.

Để bảo đảm tính vô tư, đạo đức nghề nghiệp tư pháp yêu cầu các thẩm phán phải rút khỏi (hay còn gọi là "tù chổi xét xử") những vụ án mà họ có xung đột lợi ích.

Trong một nền dân chủ, các thẩm phán không thể bị bãi nhiệm vì những lời phàn nàn nhỏ nhặt hoặc do bị chỉ trích về mặt chính trị. Họ chỉ có thể bị cách chức trong trường hợp phạm tội nghiêm trọng hoặc vi phạm kỷ luật nghiêm trọng, thông qua một quy trình luận tội (đưa ra cáo buộc) và xét xử phức tạp, kéo dài – được thực hiện tại cơ quan lập pháp hoặc trước một hội đồng tòa án độc lập.

Một nền tư pháp độc lập mang lại sự bảo đảm cho người dân rằng các phán quyết của tòa án sẽ dựa trên pháp luật và Hiến pháp quốc gia, chứ không bị chi phối bởi quyền lực chính trị vốn thay đổi liên tục hay sức ép từ một đa số tạm thời. Với tính độc lập này, hệ thống tư pháp trong một nền dân chủ đóng vai trò là thành trì bảo vệ những quyền và sự tự do của nhân dân.

13. CHỦ NGHĨA HIẾN PHÁP

Một bản hiến pháp viết ra chứa đựng những điều luật quan trọng nhất mà công dân của một quốc gia đồng ý tuân thủ, đồng thời vạch ra cấu trúc cơ bản của chính phủ. Do đó, chủ nghĩa hiến pháp dân chủ — dựa trên các lý tưởng về sự tự do cá nhân, quyền lợi của cộng đồng và quyền lực chính phủ bị hạn chế — tạo ra khuôn khổ cho việc quản lý một nền dân chủ.

Chủ nghĩa hiến pháp công nhận rằng chính phủ dân chủ và có trách nhiệm phải gắn liền với các giới hạn đối với quyền lực của chính phủ và các giới hạn này được ghi rõ trong hiến pháp.

Hiến pháp định nghĩa những mục tiêu và nguyện vọng cơ bản của xã hội, bao gồm phúc lợi chung của nhân dân.

Tất cả các luật lệ phải được viết theo sự phù hợp với hiến pháp. Trong một nền dân chủ, một tòa án độc lập cho phép công dân thách thức những luật lệ mà họ cho là trái pháp luật hoặc vi phạm hiến pháp và yêu cầu các biện pháp pháp lý từ tòa án đối với các hành vi bất hợp pháp của chính phủ hoặc các quan chức của nó.

Hiến pháp cung cấp khuôn khổ cho quyền lực chính phủ — phạm vi quyền hạn, cơ chế thực thi quyền lực đó và quy trình thông qua các đạo luật trong tương lai.

Hiến pháp định nghĩa quyền công dân và thiết lập cơ sở để quyết định ai sẽ có quyền bỏ phiếu.

Hiến pháp thiết lập các nền tảng chính trị, hành chính và tư pháp của nhà nước, bao gồm cấu trúc của cơ quan lập pháp và tòa án, các yêu cầu đối với việc đảm nhiệm chức vụ được bầu, và nhiệm kỳ của các quan chức đã được bầu.

Hiến pháp quy định trách nhiệm của các bộ ngành chính phủ và trao quyền thu thuế và thành lập lực lượng quốc phòng.

Trong một hệ thống liên bang, hiến pháp phân chia quyền lực giữa các cấp chính phủ khác nhau.

Vì hiến pháp được viết ra vào một thời điểm cụ thể, nó phải có khả năng sửa đổi để có thể thích ứng với nhu cầu thay đổi của nhân dân trong tương lai. Do tính linh hoạt cần thiết để đối phó với những thách thức khó lường trong tương lai, các hiến pháp thường được viết theo hướng quy định các nguyên lý chung về chính phủ.

Hiến pháp thường chứa đựng hai loại quyền khác nhau — quyền tiêu cực và quyền khẳng định.

Quyền tiêu cực chỉ ra những gì chính phủ không thể làm. Những quyền này hạn chế quyền lực của chính phủ và ngăn cản chính phủ tác động đến một số hành vi của công dân. Ví dụ, chính phủ phải kiềm chế việc hạn chế quyền tự do ngôn luận và quyền công dân được hội họp

một cách hòa bình, cũng như ngừng việc giam giữ bất hợp pháp.

Quyền khẳng định chỉ ra những gì chính phủ phải làm và công dân có quyền được hưởng. Những "quyền lợi" này có thể bao gồm quyền lợi về xã hội, kinh tế và văn hóa dưới hình thức cam kết của chính phủ đối với các chỉ số xã hội khác nhau. Có thể có những bảo đảm về giáo dục tiểu học và trung học cho tất cả các bé trai và bé gái, đảm bảo phúc lợi khi nghỉ hưu, hoặc cung cấp công việc và dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho tất cả công dân.

14. TỰ DO NGÔN LUẬN

Tự do ngôn luận và bày tỏ quan điểm, đặc biệt là về các vấn đề chính trị và công cộng khác, là yếu tố sống còn của bất kỳ nền dân chủ nào. Các chính phủ dân chủ không kiểm soát nội dung của hầu hết các bài phát biểu bằng văn bản và lời nói. Do đó, các nền dân chủ thường chứa đựng nhiều tiếng nói thể hiện các ý tưởng và quan điểm khác nhau, thậm chí trái ngược nhau.

Theo các nhà lý luận dân chủ, một cuộc tranh luận tự do và cởi mở thường dẫn đến việc lựa chọn phương án tốt nhất và có khả năng tránh được những sai lầm nghiêm trọng.

Dân chủ phụ thuộc vào việc dân chúng biết chữ và có hiểu biết, và nhờ vào sự truy cập thông tin nó đã giúp họ tham gia đầy đủ vào đời sống công cộng của xã hội và chỉ trích những quan chức hay chính sách chính phủ thiếu sáng suốt hoặc độc tài. Công dân và các đại diện được bầu của họ nhận thức rằng dân chủ phụ thuộc vào quyền tiếp cận rộng rãi các ý tưởng, dữ liệu và quan điểm không bị kiểm duyệt.

Để cho những người tự do có thể tự cai trị chính mình, họ phải được tự do bày tỏ ý kiến — một cách công khai và nhiều lần; cả trong lời nói và văn bản.

Nguyên tắc tự do ngôn luận cần được bảo vệ bởi hiến pháp của một nền dân chủ, ngăn cản các cơ quan lập pháp hoặc hành pháp áp đặt kiểm duyệt.

Việc bảo vệ quyền tự do ngôn luận là một quyền tiêu cực, tức là chỉ yêu cầu chính phủ không can thiệp vào quyền tự do phát biểu, khác với các quyền khẳng định vốn đòi hỏi hành động trực tiếp từ phía nhà nước. Trong hầu hết các trường hợp, chính quyền trong một nền dân chủ không can thiệp vào nội dung của các phát biểu bằng lời nói hoặc văn bản trong xã hội.

Các cuộc biểu tình là một phép thử đối với bất kỳ nền dân chủ nào — do đó, quyền tập ôn hòa là điều thiết yếu và đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện cho việc sử dụng tự do ngôn luận. Một xã hội dân sự cho phép tranh luận sôi nổi giữa những người có sự bất đồng sâu sắc về các vấn đề.

Tự do ngôn luận là một quyền cơ bản, song không phải là tuyệt đối, và không thể được sử dụng để biện minh cho hành vi bạo lực, vu khống, phỉ báng, lật đổ chính quyền, hoặc truyền bá nội dung khiêu dâm, đồi trụy. Các nền dân chủ đã được củng cố vững chắc thường chỉ cho phép hạn chế quyền ngôn luận khi tồn tại một mức độ đe dọa nghiêm trọng, chẳng hạn như khi phát ngôn có khả năng kích động bạo lực, gây tổn hại sai sự thật đến danh dự của người khác, lật đổ một chính phủ hợp hiến, hoặc khuyến khích hành vi lệch chuẩn về đạo đức. Phần

lớn các nền dân chủ cũng nghiêm cấm các phát ngôn kích động bạo lực chủng tộc hoặc sắc tộc.

Thách thức đối với một nền dân chủ nằm ở việc đạt được sự cân bằng: bảo vệ quyền tự do ngôn luận và quyền tự do tụ họp, đồng thời ngăn chặn những hình thức phát ngôn thực sự khuyến khích bạo lực, đe dọa hoặc hành vi lật đổ.

15. TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH CỦA CHÍNH PHỦ

Trách nhiệm giải trình của chính phủ được hiểu là việc các quan chức nhà nước — bao gồm cả những người được bầu và không được bầu — có nghĩa vụ phải giải thích các quyết định và hành động của mình trước công dân. Trách nhiệm giải trình được thực thi thông qua nhiều cơ chế khác nhau — bao gồm cơ chế chính trị, pháp lý và hành chính — nhằm ngăn ngừa tham nhũng và bảo đảm rằng các quan chức công quyền luôn phải chịu trách nhiệm và duy trì sự tiếp cận với những người mà họ phục vụ. Trong điều kiện thiếu vắng các cơ chế này, tham nhũng có thể phát sinh và lan rộng.

Cơ chế chính trị chủ yếu để bảo đảm trách nhiệm giải trình là các cuộc bầu cử tự do và công bằng. Nhiệm kỳ cố định và các cuộc bầu cử buộc các quan chức được bầu phải chịu trách nhiệm về hiệu quả công tác của mình, đồng thời tạo cơ hội để các ứng cử viên khác đưa ra những lựa chọn chính sách thay thế cho người dân. Nếu cử tri không hài lòng với hiệu quả làm việc của một quan chức, họ có thể bầu người khác thay thế khi nhiệm kỳ kết thúc.

Mức độ mà các quan chức công quyền chịu trách nhiệm chính trị phụ thuộc vào việc họ giữ chức vụ được bầu hay

bổ nhiệm, tần suất tái tranh cử, và số nhiệm kỳ mà họ được phép phục vụ.

Các cơ chế pháp lý nhằm bảo đảm trách nhiệm giải trình bao gồm hiến pháp, các đạo luật do cơ quan lập pháp ban hành, sắc lệnh, quy định, bộ quy tắc và các công cụ pháp lý khác, quy định rõ những hành vi mà quan chức nhà nước được phép hoặc không được phép thực hiện, cũng như các phương thức để công dân có thể hành động chống lại những quan chức có hành vi bị coi là không đạt yêu cầu.

Một hệ thống tư pháp độc lập là điều kiện thiết yếu để cơ chế trách nhiệm pháp lý vận hành hiệu quả, đóng vai trò là diễn đàn để công dân khởi kiện chính phủ.

Các cơ chế pháp lý về trách nhiệm giải trình bao gồm:

- ❖ Các đạo luật về đạo đức và bộ quy tắc ứng xử đối với quan chức nhà nước, quy định các hành vi không thể chấp nhận được;
- ❖ Các quy định về xung đột lợi ích và công khai tài sản, yêu cầu các quan chức phải kê khai nguồn thu nhập và tài sản để công dân có thể đánh giá liệu hành động của họ có bị ảnh hưởng không đúng đắn bởi các lợi ích tài chính hay không;
- ❖ Các luật minh bạch (“sunshine laws”), cho phép báo chí và công chúng được tiếp cận các hồ sơ và cuộc họp của chính phủ;

- ❖ Các quy định về sự tham gia của người dân, yêu cầu rằng một số quyết định của chính phủ phải có sự đóng góp ý kiến từ công chúng;
- ❖ Cơ chế tư pháp cho phép tòa án giám sát hành vi của các quan chức và cơ quan công quyền;
- ❖ Các cơ chế trách nhiệm hành chính bao gồm các cơ quan trực thuộc bộ, ngành hoặc các thực hành hành chính nhằm bảo đảm rằng các quyết định và hành động của quan chức công phù hợp với lợi ích của công dân.

Các cơ chế trách nhiệm hành chính bao gồm:

- ❖ Các văn phòng thanh tra (ombudsman) của cơ quan, chịu trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của công dân;
- ❖ Các kiểm toán viên độc lập, thực hiện việc giám sát việc sử dụng ngân sách công nhằm phát hiện các dấu hiệu sai phạm;
- ❖ Các tòa án hành chính, xử lý các khiếu nại của công dân đối với quyết định của cơ quan hành chính;
- ❖ Các quy định về đạo đức nhằm bảo vệ những người tố giác sai phạm trong nội bộ chính phủ (whistleblowers) — những cá nhân tố cáo hành vi tham nhũng hoặc lạm quyền — khỏi bị trả thù.

16. BẦU CỬ TỰ DO VÀ CÔNG BẰNG

Các cuộc bầu cử tự do và công bằng cho phép người dân sống trong một nền dân chủ đại diện quyết định thành phần chính trị và định hướng chính sách tương lai của chính phủ quốc gia họ.

Các cuộc bầu cử tự do và công bằng làm tăng khả năng chuyển giao quyền lực một cách hòa bình. Chúng góp phần bảo đảm rằng các ứng cử viên thất cử sẽ chấp nhận tính hợp lệ của kết quả bầu cử và chuyển giao quyền lực cho chính phủ mới.

Tuy nhiên, bầu cử tự thân không đảm bảo cho một nền dân chủ thực sự, bởi vì các nhà độc tài có thể sử dụng nguồn lực nhà nước để thao túng quy trình bầu cử.

Một cuộc bầu cử tự do và công bằng đòi hỏi các điều kiện sau:

- ❖ Quyền bầu cử phổ thông cho tất cả nam và nữ đủ điều kiện — các nền dân chủ không tước quyền này của những người thuộc nhóm thiểu số, người khuyết tật, cũng không giới hạn quyền đó cho những người biết chữ hoặc sở hữu tài sản;
- ❖ Tự do đăng ký cử tri và tự do ra tranh cử vào các chức vụ công;

- ❖ Tự do ngôn luận dành cho các ứng cử viên và đảng phái chính trị — các nền dân chủ không hạn chế quyền chỉ trích chính phủ đương nhiệm của ứng cử viên hoặc đảng phái đối lập;
- ❖ Có nhiều cơ hội để cử tri tiếp cận thông tin khách quan từ báo chí tự do;
- ❖ Tự do tụ họp để tổ chức các cuộc vận động tranh cử và mít-tinh chính trị;
- ❖ Các quy định yêu cầu các đại diện đảng phái giữ khoảng cách nhất định với điểm bỏ phiếu vào ngày bầu cử — các cán bộ bầu cử, tình nguyện viên và quan sát viên quốc tế được phép hỗ trợ cử tri trong quy trình bỏ phiếu nhưng không được tác động đến lựa chọn của họ;
- ❖ Một hệ thống tổ chức và xác minh bầu cử công bằng và cân bằng — các cán bộ bầu cử phải được đào tạo bài bản và độc lập về chính trị, hoặc được phân bổ sao cho đại diện cho các đảng phái tham gia tranh cử;
- ❖ Các điểm bỏ phiếu phải dễ tiếp cận, có không gian bỏ phiếu riêng tư, thùng phiếu an toàn và quy trình kiểm phiếu minh bạch;
- ❖ Bỏ phiếu kín — bảo đảm rằng sự lựa chọn của cử tri không thể bị sử dụng chống lại họ;
- ❖ Có quy định pháp lý nghiêm cấm gian lận bầu cử — các luật này phải có hiệu lực nhằm ngăn chặn hành vi

gian lận như đếm phiếu hai lần hoặc bỏ phiếu thay người đã chết;

- ❖ Có quy trình kiểm lại phiếu và khiếu nại — các cơ chế và thủ tục pháp lý cần được thiết lập để xem xét quy trình bầu cử nhằm bảo đảm rằng cuộc bầu cử diễn ra đúng quy định.

Các hình thức bỏ phiếu — có thể khác nhau giữa các quốc gia, thậm chí giữa các khu vực trong cùng một quốc gia — bao gồm:

- ❖ Phiếu bầu giấy — cử tri đánh dấu hoặc đục lỗ trên phiếu giấy để biểu thị lựa chọn;
- ❖ Phiếu có hình ảnh ứng cử viên hoặc biểu tượng đảng phái để hỗ trợ người không biết chữ thực hiện quyền bầu cử đúng cách;
- ❖ Hệ thống điện tử — cử tri sử dụng màn hình cảm ứng hoặc máy bấm nút để bỏ phiếu;
- ❖ Phiếu bầu vắng mặt — cho phép những người không thể đến điểm bỏ phiếu vào ngày bầu cử thực hiện quyền bầu cử từ trước đó.

17. TỰ DO TÔN GIÁO

Mọi công dân đều phải được tự do làm theo lương tâm của mình trong các vấn đề liên quan đến tín ngưỡng tôn giáo. Tự do tôn giáo bao gồm quyền được thờ phụng một mình hoặc cùng với người khác, ở nơi công cộng hoặc riêng tư, và tham gia vào các nghi lễ, thực hành, cũng như giáo lý tôn giáo mà không phải lo sợ bị đàn áp bởi chính phủ hoặc các nhóm khác trong xã hội.

Mọi người đều có quyền thờ phụng hoặc tự hợp liên quan đến một tôn giáo hoặc tín ngưỡng, cũng như quyền thành lập và duy trì các cơ sở phục vụ cho mục đích đó.

Giống như các quyền con người cơ bản khác, quyền tự do tôn giáo không do nhà nước tạo ra hay ban phát, nhưng mọi nhà nước đều có trách nhiệm bảo vệ quyền này. Các nền dân chủ thường ghi nhận và bảo đảm quyền tự do tôn giáo thông qua các quy định trong hiến pháp.

Mặc dù nhiều quốc gia dân chủ có thể lựa chọn thiết lập nguyên tắc phân tách giữa tôn giáo và nhà nước, nhưng các giá trị của chính phủ và tôn giáo không nhất thiết phải xung đột một cách căn bản.

Thông thường, các nền dân chủ không thành lập cơ quan chính phủ hoặc tổ chức chính thức nào nhằm điều tiết các vấn đề tôn giáo, mặc dù họ có thể yêu cầu các cơ sở

thờ tự và tổ chức tôn giáo đăng ký vì mục đích hành chính hoặc thuế.

Các chính phủ bảo vệ quyền tự do tôn giáo cho mọi công dân thường cũng sẽ bảo vệ các quyền khác vốn là điều kiện thiết yếu cho tự do tôn giáo, chẳng hạn như quyền tự do ngôn luận và quyền tự do tụ họp.

Các nền dân chủ đích thực công nhận rằng sự khác biệt về tôn giáo của từng cá nhân cần được tôn trọng, và một trong những vai trò cốt lõi của nhà nước là bảo vệ quyền lựa chọn tín ngưỡng, ngay cả trong những trường hợp nhà nước công nhận một tôn giáo chính thức. Các nền dân chủ cũng:

- ❖ Không can thiệp vào nội dung của các ấn phẩm tôn giáo, chương trình giáo dục hay bài giảng thuyết giáo;
- ❖ Tôn trọng quyền của cha mẹ trong việc định hướng giáo dục tôn giáo cho con cái họ;
- ❖ Cấm mọi hành vi kích động bạo lực trên cơ sở tôn giáo đối với người khác;
- ❖ Bảo vệ các thành viên của các nhóm dân tộc, tôn giáo hoặc ngôn ngữ thiểu số;
- ❖ Cho phép cá nhân nghỉ ngơi vào các ngày lễ tôn giáo và cử hành các ngày thánh theo tín ngưỡng của mình;
- ❖ Tạo điều kiện để các phong trào liên tôn phát triển, trong đó các tín đồ thuộc các tôn giáo khác nhau tìm

kiểm điểm tương đồng trong các vấn đề chung và hợp tác để giải quyết những thách thức mà toàn xã hội đang đối mặt;

- ❖ Bảo đảm quyền tự do cho các quan chức chính phủ, lãnh đạo tôn giáo, tổ chức phi chính phủ và nhà báo trong việc điều tra và đưa tin về các trường hợp đàn áp tôn giáo;
- ❖ Tôn trọng quyền của các tổ chức tôn giáo trong việc tham gia và đóng góp vào xã hội dân sự — bao gồm việc điều hành các trường học dựa trên niềm tin tôn giáo, quản lý bệnh viện, chăm sóc người cao tuổi, và triển khai các chương trình hoặc hoạt động phục vụ lợi ích cộng đồng.

18. QUYỀN CỦA PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM GÁI

Phân biệt đối xử đối với phụ nữ là tình trạng mà trong đó các quy định pháp luật hoặc thực tiễn cụ thể tạo ra sự phân biệt, loại trừ hoặc hạn chế dựa trên giới tính.

Các quốc gia dân chủ cần nỗ lực bảo vệ quyền của phụ nữ, khuyến khích sự tham gia của phụ nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và chính trị, cũng như tạo điều kiện để phụ nữ có thể tự do hội họp và bày tỏ quan điểm một cách cởi mở.

Quyền pháp lý của phụ nữ bao gồm sự bình đẳng trước pháp luật và khả năng tiếp cận các nguồn lực pháp lý.

Quyền của phụ nữ cần được quy định rõ ràng — sự mơ hồ trong địa vị pháp lý của phụ nữ vẫn là một trong những nguyên nhân hàng đầu dẫn đến đói nghèo trên phạm vi toàn cầu.

Phụ nữ cần có quyền sở hữu và thừa kế tài sản.

Phụ nữ cần có cơ hội tham gia vào quá trình xây dựng và thực thi hiến pháp cũng như pháp luật.

Quyền chính trị của phụ nữ bao gồm quyền bầu cử, quyền ứng cử vào các chức vụ công, quyền tham gia vào chính quyền và quyền tổ chức chính trị độc lập.

Các nền dân chủ nên ủng hộ những sáng kiến của xã hội dân sự — từ các tổ chức công đến tổ chức phi chính phủ — nhằm nâng cao nhận thức của phụ nữ về quyền bầu cử và đào tạo họ về kỹ năng vận động tranh cử cũng như quá trình lập pháp.

Sự tham gia tích cực của phụ nữ trong các cấp độ khác nhau của xã hội dân sự và chính quyền là một yếu tố góp phần củng cố nền dân chủ.

Phụ nữ và trẻ em gái cần có quyền tiếp cận giáo dục tiểu học. Họ không được phép bị ngăn cản trong việc theo học hoặc giảng dạy ở bậc trung học và đại học.

Quyền kinh tế giúp phụ nữ kiểm soát tài sản và nguồn lực kinh tế của mình, đồng thời hỗ trợ họ tránh khỏi các mối quan hệ tình dục rủi ro hoặc bạo lực. Những quyền này bao gồm:

- ❖ Cơ hội việc làm và tiêu chí tuyển dụng bình đẳng như nam giới;
- ❖ Bảo vệ khỏi việc bị sa thải do mang thai hoặc kết hôn;
- ❖ Quyền tham gia các chương trình như cho vay vi mô và đào tạo nghề nhằm tạo điều kiện cho phụ nữ có thể tự tạo thu nhập;
- ❖ Quyền được nhận mức lương công bằng và được đối xử bình đẳng và tôn trọng tại nơi làm việc.

Các nền dân chủ cần nỗ lực bảo đảm sức khỏe và phúc lợi của phụ nữ và trẻ em gái, đồng thời tạo điều kiện tiếp cận công bằng đối với các chương trình như:

- ❖ Dịch vụ chăm sóc sức khỏe tổng quát, phòng ngừa bệnh tật và chăm sóc tiền sản;
- ❖ Phòng chống HIV/AIDS, nâng cao hiệu quả của các dịch vụ y tế đối với người nhiễm bệnh và giảm nguy cơ lây truyền từ mẹ sang con;
- ❖ Đấu tranh chống lại các tổ chức buôn người chuyên dụ dỗ phụ nữ và trẻ em gái tham gia mại dâm cưỡng bức hoặc lao động phục dịch thông qua lừa đảo, cưỡng ép hoặc ép buộc;
- ❖ Phòng chống du lịch tình dục, một hiện tượng thường xuyên lợi dụng phụ nữ và trẻ em;
- ❖ Giáo dục các gia đình về hậu quả xã hội và sức khỏe của việc kết hôn sớm;
- ❖ Hỗ trợ các tổ chức bảo vệ nạn nhân, bao gồm trung tâm hỗ trợ người bị bạo lực gia đình và nạn nhân bị hiếp dâm;
- ❖ Đào tạo lực lượng công an, luật sư, thẩm phán và nhân viên y tế nhằm giảm thiểu tình trạng bạo lực gia đình;
- ❖ Loại bỏ hoàn toàn nạn cắt bỏ bộ phận sinh dục nữ (FGM).

19. CẢI TRỊ THÔNG QUA LIÊN MINH VÀ THỎA HIỆP

Mọi xã hội đều tồn tại — hoặc bao gồm — các nhóm người có quan điểm khác nhau về những vấn đề quan trọng đối với toàn thể công dân. Một nền dân chủ tự do xem sự đa dạng quan điểm này là lợi ích đối với quốc gia và do đó khuyến khích sự khoan dung cũng như việc thể hiện các quan điểm khác biệt.

Chính phủ dân chủ hoạt động hiệu quả khi các chính trị gia và quan chức hiểu rằng các vấn đề phức tạp hiếm khi có các giải pháp “đúng” hoặc “sai” hoàn toàn, và rằng tồn tại nhiều cách diễn giải khác nhau về các nguyên tắc dân chủ cũng như thứ tự ưu tiên trong xã hội.

Quyền tự do hội họp và tự do báo chí thúc đẩy tranh luận công khai và trao đổi tư tưởng. Sự cởi mở này giúp chính phủ nhận diện các vấn đề và tạo điều kiện để các nhóm lợi ích gặp gỡ, giải quyết bất đồng. (Trong khu vực tư nhân, “thị trường ý tưởng” tương tự cũng tạo ra cơ hội đổi mới và đầu tư — những động lực then chốt của tăng trưởng kinh tế.)

Các liên minh được hình thành khi các nhóm lợi ích hoặc chính đảng cùng hợp tác về những vấn đề chung, ngay cả khi họ bất đồng sâu sắc về các vấn đề khác. Sự thỏa

hiệp trong các quyết định quan trọng giúp chính phủ tiếp tục thực hiện chức năng quản trị.

Các cơ quan lập pháp trong nền dân chủ thường dựa vào việc xây dựng liên minh để thông qua luật:

- ❖ Trong hệ thống nghị viện, các nhóm chính trị thiết lập quan hệ đối tác với các nhóm khác nhằm thúc đẩy lợi ích của mình và hình thành chính phủ;
- ❖ Trong hệ thống tổng thống, các nhà lập pháp đôi khi vượt qua ranh giới đảng phái để bỏ phiếu về những vấn đề mà họ và cử tri của mình đặc biệt quan tâm.

Việc hình thành liên minh thường đòi hỏi các chính đảng phải sẵn sàng gác lại một số khác biệt với các nhóm khác để theo đuổi những phần quan trọng hơn trong chương trình hành động của họ.

Do các chính phủ liên minh thường được cấu thành từ các đảng có quan điểm đôi khi đối lập, nên luôn tồn tại khả năng chính phủ bị tan rã. Trong một số nền dân chủ, việc liên minh cầm quyền hình thành rồi giải thể nhiều lần, thậm chí trong cùng một năm, là điều không hiếm gặp.

20. VAI TRÒ CỦA CÁC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ (NGO)

Trong các nền dân chủ, công dân bình thường có thể tổ chức các nhóm độc lập nhằm phục vụ nhu cầu của cộng đồng hoặc quốc gia mà họ đang sinh sống, đồng thời hỗ trợ, bổ sung hoặc thậm chí đối trọng với hoạt động của chính phủ. Những tổ chức này thường được gọi là *tổ chức phi chính phủ* (NGO) vì chúng không phải là bộ phận mở rộng của các cơ quan chính phủ.

Các tổ chức phi chính phủ tạo điều kiện cho công dân cải thiện xã hội của mình thông qua việc vận động, giáo dục, huy động sự quan tâm đối với các vấn đề công quan trọng, và giám sát hoạt động của chính phủ cũng như khu vực tư nhân.

NGO giúp công dân từ những nền tảng khác nhau học cách làm việc cùng nhau, xây dựng kỹ năng, mối quan hệ, cũng như là lòng tin — những yếu tố thiết yếu cho một chính phủ tốt.

Các NGO phục vụ một cộng đồng với đa dạng các lợi ích của người dân. Họ có thể hoạt động như những nhà cung cấp dịch vụ xã hội, những người bảo vệ môi trường, tiêu

chuẩn sống, tiêu chuẩn lao động, hoặc là lực lượng xúc tác cho tiến trình dân chủ.

Các tổ chức phi chính phủ thường đại diện cho quyền lợi của những nhóm công dân có thể bị gạt ra ngoài các cuộc tranh luận chính sách quốc gia. Họ mở rộng không gian thảo luận công cho mọi tầng lớp kinh tế - xã hội, bao gồm phụ nữ và các nhóm thiểu số.

Nguồn tài trợ cho NGO có thể đến từ các khoản đóng góp cá nhân, quỹ từ thiện tư nhân, tập đoàn, tổ chức tôn giáo, tổ chức quốc tế, các NGO khác, doanh thu từ hàng hóa và dịch vụ, thậm chí từ chính phủ.

Chính phủ và NGO thường hợp tác như những đối tác. NGO có thể cung cấp nguồn nhân lực và chuyên môn tại địa phương để triển khai các dự án do chính phủ tài trợ. Các NGO có thể không liên kết chính trị, hoặc có thể hoạt động dựa trên lý tưởng đảng phái và theo đuổi một hay nhiều mục tiêu cụ thể vì lợi ích công. Dù theo mô hình nào, nguyên tắc cốt lõi là NGO phải hoạt động với sự kiểm soát chính trị tối thiểu từ phía nhà nước.

Các tổ chức phi chính phủ (NGO) xây dựng các chương trình ở cả cấp độ địa phương và quốc tế trong hầu hết mọi lĩnh vực nhằm thúc đẩy các nguyên tắc dân chủ, bao gồm:

- ❖ **Nhân quyền** — thông qua việc thúc đẩy các chuẩn mực quốc tế về quyền con người và giám sát các hành vi vi phạm, lạm dụng;

- ❖ **Pháp quyền** — bằng cách cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí hoặc chi phí thấp, giáo dục công dân về quyền của họ và vận động cải cách pháp luật;
- ❖ **Thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ** — thông qua việc đào tạo họ tham gia chính trị và bảo vệ họ trước các hình thức phân biệt đối xử kinh tế - xã hội;
- ❖ **Giáo dục công dân** — bằng các chương trình giáo dục về vai trò của công dân trong một xã hội dân chủ và đa dạng;
- ❖ **Báo chí tự do** — thông qua việc hỗ trợ báo chí độc lập, đào tạo nhà báo và thiết lập chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp;
- ❖ **Phát triển đảng phái chính trị** — bằng cách giám sát bầu cử với sự tham gia của quan sát viên trong nước được đào tạo và tổ chức các chiến dịch đăng ký cử tri phi đảng phái;
- ❖ **Trách nhiệm giải trình của chính phủ** — thông qua phân tích chính sách và hoạt động giám sát đối với hành vi của chính phủ.

21. GIÁO DỤC VÀ DÂN CHỦ

Giáo dục là một quyền con người phổ quát. Đồng thời, đó cũng là phương tiện để đạt được các quyền con người khác và là công cụ mang tính xã hội và kinh tế đầy sức mạnh. Thông qua Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền, các quốc gia trên thế giới đã đồng thuận rằng mọi người đều có quyền được giáo dục.

Mỗi xã hội đều truyền tải những thói quen tư duy, chuẩn mực xã hội, văn hóa và lý tưởng của mình từ thế hệ này sang thế hệ khác. Có một mối liên hệ trực tiếp giữa giáo dục và các giá trị dân chủ: trong các xã hội dân chủ, nội dung và phương pháp giáo dục hỗ trợ việc hình thành các thói quen quản trị dân chủ.

Quá trình truyền đạt giáo dục này đóng vai trò thiết yếu trong một nền dân chủ, bởi lẽ các nền dân chủ hiệu quả là những hình thức chính quyền năng động và luôn phát triển, và nó đòi hỏi người dân phải có tư duy độc lập. Cơ hội để tạo ra những thay đổi tích cực về mặt xã hội và chính trị nằm trong tay công dân. Chính phủ không nên xem hệ thống giáo dục như một công cụ để kiểm soát thông tin hoặc truyền bá tư tưởng một chiều cho học sinh.

Chính phủ cần coi trọng giáo dục và phân bổ nguồn lực cho giáo dục cũng giống như khi họ nỗ lực bảo vệ công dân của mình.

Biết đọc biết viết giúp người dân cập nhật thông tin thông qua sách báo. Công dân có hiểu biết sẽ ở vị thế tốt hơn để cải thiện nền dân chủ.

Các hệ thống giáo dục trong xã hội dân chủ không loại trừ việc nghiên cứu các học thuyết chính trị hoặc hình thức chính quyền khác. Nền dân chủ khuyến khích học sinh phát triển các lập luận hợp lý dựa trên nghiên cứu kỹ lưỡng và sự hiểu biết rõ ràng về lịch sử.

Các nhóm tư nhân và tôn giáo nên được tự do thành lập trường học, hoặc cha mẹ có thể lựa chọn việc giáo dục con cái tại nhà.

Các trường học do nhà nước quản lý phải đảm bảo việc tiếp cận bình đẳng cho mọi công dân, bất kể sắc tộc, tôn giáo, giới tính hay khuyết tật thể chất.

Các chuẩn mực và thực hành dân chủ nên được giảng dạy để mọi người có thể hiểu và trân trọng những cơ hội cũng như trách nhiệm của mình trong tư cách là công dân tự do.

Giáo dục công dân trong nền dân chủ bao gồm kiến thức về lịch sử quốc gia và thế giới, cũng như các nguyên tắc dân chủ cơ bản.

Chương trình học ở các quốc gia dân chủ bao gồm lịch sử, địa lý, kinh tế học, văn học, triết học, pháp luật, nghệ thuật, khoa học xã hội, toán học và khoa học tự nhiên — dành cho tất cả học sinh, cả nam lẫn nữ.

Học sinh cũng nên được tự do tổ chức các câu lạc bộ và các hoạt động, nơi các chuẩn mực dân chủ có thể được áp dụng trong thực tiễn. Ví dụ:

- ❖ Chính phủ học sinh giúp học sinh có trải nghiệm thực tế trong tiến trình dân chủ.
- ❖ Các cuộc bầu cử giả định giúp học sinh hiểu về sự tham gia của công dân và khuyến khích thói quen bỏ phiếu suốt đời.
- ❖ Báo chí học đường giúp học sinh hiểu vai trò của truyền thông tự do và báo chí có trách nhiệm.
- ❖ Các câu lạc bộ công dân thúc đẩy sự kết nối với cộng đồng rộng lớn hơn.